

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 322/2026/DS-PT
Ngày: 13/4/2026
V/v tranh chấp về dân sự chia thừa
kế quyền sử dụng và yêu cầu công
nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Thọ

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu

Ông Lê Khắc Thịnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**
Ông Huỳnh Hữu Nghi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2026/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026, về việc “*Tranh chấp về dân sự chia thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 274/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực C - tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 726/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 534/2026/QĐ-PT, ngày 20 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: ấp L, xã T, tỉnh Đồng Tháp;

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp B, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H và ông T:

1. Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, tỉnh Đồng Tháp;

2. Ông Huỳnh Thanh B, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, tỉnh Đồng Tháp;

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp B, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Thanh H1 - Văn phòng Luật sư Trần Thanh H1 – Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

Địa chỉ: A Rạch G, phường M, tỉnh Đồng Tháp;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1958;

Địa chỉ: ấp B, xã A, tỉnh Đồng Tháp;

2. Anh Nguyễn Tấn T3, sinh năm 2001;

Địa chỉ: ấp B, xã A, tỉnh Đồng Tháp;

3. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp B, xã A, tỉnh Đồng Tháp;

4. Bà Hồ Thị M, sinh năm 1965;

5. Anh Nguyễn Thanh T5, sinh năm 1992;

6. Chị Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1987;

7. Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1963;

8. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1968;

9. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 2002;

10. Anh Nguyễn Khánh Â, sinh năm 2004;

11. Bà Trương Thị P, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

12. Bà Phan Thị Thanh T6, sinh năm 1968;

13. Chị Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã A, tỉnh Đồng Tháp;

14. Ban Q;

Địa chỉ: số D H, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Văn T; Bị đơn Nguyễn Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày*: Cha của bà là cụ Nguyễn Văn H3, sinh năm 1917 chết ngày 09/6/2000 và cụ Nguyễn Thị K1, sinh năm

1930 chết ngày 01/01/2022. Cha mẹ bà có 05 người con gồm Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1. Ông L đã mất năm 2010 và có 01 người con tên Nguyễn Tấn T3.

Sinh thời, cụ K1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 2.665m², thửa đất số 24, tờ bản đồ số 04 tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649QSĐĐ/830/QĐ.UB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Nguyễn Thị K1 ngày 15/6/1997. Phần đất này do cụ K1 và ông Nguyễn Văn T1 cùng quản lý sử dụng.

Phần đất diện tích 2.665m² có 475m² được Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án mở rộng kênh C, diện tích còn lại 2.190m². Ngày 02/6/2021 cụ K1 có lập Giấy ủy quyền cho ông T1 với nội dung: cụ Nguyễn Thị K1 ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T1 đến Ủy ban nhân dân xã B Nhứt nhận tiền đền bù. Ông T1 đã thay mặt cụ K1 nhận đủ số tiền đền bù 710.000.000 đồng nhưng không đưa lại cho cụ K1 mà tự cất giữ.

Đến ngày 01/01/2022 cụ K1 chết không để lại di chúc. Phần di sản do cụ K1 để lại gồm 710.000.000 đồng tiền đền bù và phần đất còn lại của thửa đất số 24, tờ bản đồ số 04 diện tích 2.190m², trong đó ông Nguyễn Văn T4 hiện đang quản lý 359,9m², diện tích còn lại của thửa 24 theo đo đạc là 1.573,7m².

Đối với số tiền đền bù 710.000.000 đồng, ông T1 đã giao cho ông T4 số tiền đền bù 197.000.000 đồng, còn lại 513.000.000 đồng do ông T1 giữ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H đồng ý trừ các khoản sau vào chi phí hợp lý trước khi chia di sản gồm: số tiền 20.000.000 đồng mà ông T1 đưa cho ông Nguyễn Hữu H4; số tiền tổ chức đám ma và áo quan mà ông T1 đã trả là 80.000.000 đồng; số tiền làm mã dán gạch, xây nhà mồ, công thợ, mua tử thờ, bộ T9 là 250.000.000 đồng; tiền bốc mộ cậu H4 và cậu Ú là 50.000.000 đồng; tiền cúng thất cho cụ K1 9 lần x 1.500.000 đồng = 13.500.000 đồng; tiền cúng chùa 02 lần x 5.000.000 đồng = 10.000.000 đồng; tiền chữa bệnh cho cụ K1 20.000.000 đồng; còn lại 69.500.000 đồng.

Bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản do cụ K1 để lại như sau:

1. Yêu cầu chia số tiền đền bù mà ông T1 còn giữ là 69.500.000 đồng thành 03 kỷ phần, bà H, ông T và ông T1 mỗi người hưởng 23.160.000 đồng.

2. Yêu cầu chia phần còn lại của thửa đất số 24, tờ bản đồ số 04, diện tích theo đo đạc là 1.573,7m² tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649QSĐĐ/830/QĐ.UB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Nguyễn Thị K1 ngày 15/6/1997 thành 03 kỷ phần, bà xin được hưởng 01 kỷ phần có diện tích 524,56m² bằng hiện vật. Theo đo đạc thì bà H xin nhận phần đất ký hiệu S2 theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 29/3/2024 của Công ty TNHH Đ2 có diện tích 152,5m² và nhận phần diện tích chênh lệch còn lại bằng tiền.

3. Đối với số tiền đền bù còn lại của dự án mở rộng kênh Chợ Gạo chưa nhận là 190.127.000 đồng thì yêu cầu chia là 03 kỷ phần, bà nhận 01 kỷ phần là 63.375.000 đồng.

Trước đây cụ K1 có cho em ruột là cụ Nguyễn Thị C1 (sinh năm 1932, mất ngày 01/5/2016) một phần thửa đất số 24 diện tích khoảng 500m² để cất nhà ở, cụ C1 đã sử dụng ổn định phần đất này và để lại cho con là Nguyễn Văn T4. Khi Nhà nước thu hồi 475m² làm kênh C thì trong đó có 135m² đất của cụ C1, phần diện tích còn lại hiện do ông Nguyễn Văn T4 quản lý sử dụng. Nay bà H đồng ý trừ ra phần diện tích đất đã cho cụ C1 theo đo đạc là 359,9m² và công nhận cho ông Nguyễn Văn T4 quyền sử dụng phần đất diện tích 359,9m², chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích đất còn lại theo đo đạc là 1.573,7m².

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông là con của cụ Nguyễn Văn H3 và cụ Nguyễn Thị Kiều. Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ H về nội dung khởi kiện.

Đối với số tiền đền bù 710.000.000 đồng, ông T1 đã giao cho ông T4 số tiền đền bù 197.000.000 đồng, còn lại 513.000.000 đồng do ông T1 giữ, ông T đồng ý trừ các khoản sau vào chi phí hợp lý trước khi chia di sản gồm: số tiền 20.000.000 đồng mà ông T1 đưa cho ông Nguyễn Hữu H4, số tiền tổ chức đám ma và áo quan mà ông T1 đã trả là 80.000.000 đồng, số tiền làm mã dán gạch, xây nhà mồ, công thợ, mua tử thờ, bộ tranh là 250.000.000 đồng, tiền bốc mộ cậu H4 và cậu út là 50.000.000 đồng, tiền cúng thất cho bà K1 9 lần x 1.500.000 đồng = 13.500.000 đồng, tiền cúng chùa 02 lần x 5.000.000 đồng = 10.000.000 đồng, tiền chữa bệnh cho bà K1 20.000.000 đồng, còn lại 69.500.000 đồng.

Di sản của cụ K1 là thửa đất số 24, trong đó ông T4 đang quản lý sử dụng theo đo đạc là 359,9m², phần diện tích còn lại theo đo đạc là 1.573,7m². Ông T đồng ý trừ ra phần diện tích đất đã cho cụ C1 theo đo đạc là 359,9m² và công nhận cho ông Nguyễn Văn T4 quyền sử dụng phần đất diện tích 359,9m², chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích đất còn lại theo đo đạc là 1.573,7m².

Ông T khởi kiện yêu cầu chia di sản do cụ K1 để lại như sau:

1. Yêu cầu chia số tiền đền bù mà ông T1 còn giữ là 69.500.000 đồng tháng 03 kỷ phần, bà H, ông T và ông T1 mỗi người hưởng 23.160.000 đồng.

2. Yêu cầu chia phần còn lại của thửa đất số 24, tờ bản đồ số 04, diện tích theo đo đạc là 1.573,7m² tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649QSDĐ/830/QĐ.UBh do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Nguyễn Thị K1 ngày 15/6/1997 thành 03 kỷ phần, ông xin được hưởng 01 kỷ phần có diện tích 524,56m² bằng hiện vật. Theo đo đạc thì ông T xin nhận phần đất ký hiệu S3 theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 29/3/2024 của Công ty TNHH Đ2 có diện tích 152,5m² và nhận phần diện tích chênh lệch còn lại bằng tiền.

3. Đối với số tiền đền bù còn lại chưa nhận là 190.127.000 đồng thì ông yêu cầu chia là 03 kỷ phần, ông nhận 01 kỷ phần là 63.375.000 đồng.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:* Cha của ông là cụ Nguyễn Văn H3, sinh năm 1917 chết ngày 09/6/2000 và mẹ là cụ Nguyễn Thị K1, sinh năm 1930 chết ngày 01/01/2022. Cha mẹ ông có 05 người con gồm Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1.

Phần đất diện tích 2.665m², thửa đất số 24, tờ bản đồ số 04 tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649QSDĐ/830/QĐ.UB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Nguyễn Thị K1 ngày 15/6/1997 có 475m² được Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án mở rộng kênh C, hiện nay diện tích còn lại 2.190m². Phần đất này cụ K1 đã giao cho ông quản lý, sử dụng 40 năm nay. Trên thửa đất vợ chồng ông có xây 01 căn nhà, ngoài ra còn có khu mộ, ao đìa và một phần đất diện tích khoảng 500m² mà cụ K1 khi còn sống đã cho cụ Nguyễn Thị C1 (em ruột của cụ K1) cất nhà ở. Cụ C1 đã chết, con của cụ C1 là ông Nguyễn Văn T4 đang ở và quản lý, sử dụng diện tích này. Sau khi nhà nước thu hồi đất để mở rộng kênh C thì phần đất của ông T4 diện tích còn lại theo đo đạc là 359,9m². Ông T1 đồng ý công nhận phần đất diện tích 359,9m² cho ông T4 quản lý sử dụng.

Bà H có chồng ở riêng, ông T khi có gia đình riêng đã được cụ K1 cho phần đất diện tích khoảng 1.500m².

Đối với số tiền đền bù 710.000.000 đồng, ông T1 có ý kiến như sau: Nhà nước thu hồi diện tích 475,1m², trong đó có 135m² là đất mà ông T4 quản lý sử dụng, nên ông T4 đã đến Ủy ban nhân dân xã B N1 nhận tiền đền bù 197.000.000 đồng, thực tế ông T1 chỉ nhận tiền đền bù thay cụ K1 là 513.000.000 đồng. Do vợ chồng ông ở chung nên cụ K1 đã cho ông số tiền này và ông đã chi các khoản sau:

- Cho ông Nguyễn Hữu H4 (con của dì Năm) 20.000.000 đồng.
- Tổ chức đám tang cho cụ K1 + áo quan: 80.000.000 đồng.
- Làm mã, dán gạch, xây nhà mồ, mua tử thờ, bộ tranh: 250.000.000 đồng.
- Tiền bốc mộ (lấy cốt cậu Hai và cậu Ú): 50.000.000 đồng.
- Cúng thất (09 lần): 1.500.000đồng/lần x 9 = 13.500.000 đồng.
- Cúng chùa (02 lần): 5.000.000đồng/lần x 2 = 10.000.000 đồng.
- Tiền chữa bệnh cho cụ K1: 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền đã chi là 443.500.000 đồng, hiện ông chỉ còn giữ 69.500.000 đồng để cúng giỗ cho mẹ. Đối với yêu cầu chia thừa kế của bà H và ông T thì ông có yêu cầu như sau:

- Phần còn lại của thửa đất 24 có diện tích theo đo đạc là 1.573,7m² do cụ K1 đã cho ông quản lý sử dụng 40 năm, ông đã canh tác từ lâu nên yêu cầu công nhận cho ông được quản lý, sử dụng đối với phần đất này.

- Đối với số tiền đền bù đợt 1 còn lại 69.500.000 đồng mà ông đang giữ, ông yêu cầu công nhận cho ông được hưởng toàn bộ số tiền này để cúng giỗ, hương hỏa cho cha mẹ.

- Đối với số tiền đền bù đợt 2 còn lại chưa nhận là 190.127.000 đồng thì ông yêu cầu chia như sau: Chia làm 05 kỷ phần, ông nhận 02 kỷ phần bao gồm 01 kỷ phần thừa kế và 01 kỷ phần tôn tạo, giữ gìn đất. Bà H, ông T, ông T2 mỗi người được hưởng 01 kỷ phần.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 trình bày:* Ông là con của cụ Nguyễn Văn H3, sinh năm 1917 chết ngày 09/6/2000 và cụ Nguyễn Thị K1, sinh năm 1930 chết ngày 01/01/2022. Ông đồng ý công nhận phần đất diện tích theo đo đạc là 359,9m² thuộc thửa số 24 cho ông Nguyễn Văn T4 quản lý sử dụng. Đối với phần diện tích còn lại của thửa số 24 của cụ K1 và tiền đền bù thu hồi đất đợt 1 thì ông từ chối nhận di sản thừa kế.

Đối với số tiền đền bù còn lại chưa nhận là 190.127.000 đồng thì ông yêu cầu chia như sau: Chia làm 04 kỷ phần, bà H, ông T, ông T1 và ông mỗi người được hưởng 01 kỷ phần. Ông xin nhường kỷ phần mình được hưởng cho ông T1.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tấn T3 trình bày:*

Anh là con của ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1959, mất năm 2010. Ông L chỉ có 01 người con là anh. Đối với yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị K1 thì anh từ chối nhận di sản thừa kế đối với phần ông L được hưởng mà để cho các cô chú của anh tự giải quyết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T4 trình bày:* Mẹ của ông là cụ Nguyễn Thị C1, là em ruột của cụ Nguyễn Thị Kiều. Thửa đất số 24 đang tranh chấp là của ông bà ngoại cho chung cụ K1 và cụ C1. Từ trước năm 1975, cụ K1 và cụ C1 đã thỏa thuận là cụ C1 sẽ lấy phần diện tích đất khoảng 500m² để cất nhà ở, phần đất còn lại giao cho cụ K1 quản lý sử dụng. Khi nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ C1 để cụ K1 đứng tên toàn bộ diện tích đất thửa 24 để dễ làm thủ tục. Sau khi cụ C1 mất đã giao phần đất này cho ông T4 quản lý sử dụng, ông đã cất nhà trên đất. Khi nhà nước mở rộng kênh C đã thu hồi một phần đất của ông, diện tích còn lại theo đo đạc là 359,9m², ông được đền bù số tiền 197.000.000 đồng.

Nay bà H, ông T, ông T1 tranh chấp chia thừa kế thửa đất số 24 thì ông yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đối với phần đất diện tích theo đo đạc là 359,9m² là một phần của thửa 24 mà ông đang quản lý sử dụng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thanh T6 và chị Nguyễn Thị Thanh H2 thống nhất trình bày:* Chúng tôi là vợ và con của ông Nguyễn Văn T1. Chúng tôi thống nhất với lời trình bày của ông T1, không có ý kiến khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị P trình bày:* Bà là vợ của ông Nguyễn Văn T4, bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông T4, đồng ý để ông T4 tự mình khởi kiện trong vụ án, bà không tranh chấp trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn K và anh Nguyễn Khánh Á thống nhất trình bày:* Chúng tôi là con của ông Nguyễn Văn T4. Trước đây cụ Nguyễn Thị K1 đã tặng cho bà nội chúng tôi là cụ Nguyễn Thị C1 một phần đất khoảng 500m². Gia đình chúng tôi đã cất nhà và sử dụng phần đất này. Chúng tôi không có tranh chấp mà để cha chúng tôi là ông T4 quyết định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị M, anh Nguyễn Thanh T5, chị Nguyễn Thị Mỹ C thống nhất trình bày:* Chúng tôi là vợ và con của ông Nguyễn Văn V (sinh năm 1959, mất năm 2022), ông V là con của cụ Nguyễn Văn Đ1 (sinh năm 1932, mất ngày 01/5/2016) và cụ Nguyễn Thị C1 (sinh năm 1931, mất ngày 28/4/2019). Cụ Đ1 và cụ C1 có 04 người con là Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn T4. Trước năm 1975, cụ Nguyễn Thị K1 có tặng cho cụ C1 phần đất diện tích khoảng 500m² để cụ C1 cất nhà ở. Sau khi cụ C1 mất thì con trai là ông T4 tiếp tục quản lý, sử dụng nhà đất này.

Nay bà H, ông T và ông T1 có tranh chấp chia thừa kế phần đất cụ K1 để lại trong đó có phần đất đã tặng cho cụ C1 thì chúng tôi có ý kiến như sau: Hiện nay cụ C1 đã mất, phần đất khoảng 500m² mà cụ K1 đã tặng cho cụ C1 nay trở thành di sản của cụ C1 và cụ Đ1 để lại, chúng tôi không tranh chấp và từ chối nhận phần di sản này, đồng ý để lại cho ông T4 được nhận phần di sản này, được đứng tên và toàn quyền định đoạt quyền sử dụng đất nói trên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Minh S thống nhất trình bày:* Chúng tôi là con của cụ Nguyễn Văn Đ1 (sinh năm 1932, mất ngày 01/5/2016) và cụ Nguyễn Thị C1 (sinh năm 1931, mất ngày 28/4/2019). Cụ Đ1 và cụ C1 có 04 người con là Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Văn R, Nguyễn Văn T4. Trước năm 1975, cụ Nguyễn Thị K1 có tặng cho cụ C1 phần đất diện tích khoảng 500m² để cụ C1 cất nhà ở. Sau khi cụ C1 mất thì con trai là ông T4 tiếp tục quản lý, sử dụng nhà đất này.

Nay bà H, ông T và ông T1 có tranh chấp chia thừa kế phần đất cụ K1 để lại trong đó có phần đất đã tặng cho cụ C1 thì chúng tôi có ý kiến như sau: Hiện nay cụ C1 đã mất, phần đất khoảng 500m² mà cụ K1 đã tặng cho cụ C1 nay trở thành di sản của cha mẹ chúng tôi để lại, chúng tôi không tranh chấp và từ chối nhận phần di sản này, đồng ý để lại cho ông T4 được nhận phần di sản này, được đứng tên và toàn quyền định đoạt quyền sử dụng đất nói trên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bản quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 4 không có ý kiến trình bày nhưng có đơn không tham gia tố tụng.*

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà H, ông T, bị đơn ông T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T2, ông T4 và bà P thống nhất các vấn đề sau: Đồng ý công nhận cho ông T4 được quyền sử dụng phần đất diện tích 359,9m² là một phần của thửa đất 24 (phần đất ký hiệu S4). Đối với số tiền đền bù (đợt 1) do thu hồi một phần thửa đất 24 thuộc dự án mở rộng kênh Chợ Gạo là 710.000.000 đồng, các đương sự thống nhất giao số tiền 197.000.000 đồng cho ông T4 (ông T4 đã nhận tiền), đồng ý trừ các khoản sau vào chi phí hợp lý trước khi chia di sản gồm: số tiền 20.000.000 đồng mà ông T1 đưa cho ông Nguyễn Hữu H4, số tiền tổ chức đám ma và áo quan mà ông T1 đã trả là 80.000.000 đồng, số tiền làm mã dán gạch, xây nhà mô, công thợ, mua tử thờ, bộ tranh là 250.000.000 đồng, tiền bốc mộ cậu H4 và cậu út là 50.000.000 đồng, tiền cúng thất cho bà K1 9 lần x 1.500.000 đồng = 13.500.000 đồng, tiền cúng chùa 02 lần x 5.000.000 đồng = 10.000.000

đồng, tiền chữa bệnh cho bà K1 20.000.000 đồng, còn lại 69.500.000 đồng hiện do ông T1 giữ.

Nguyên đơn bà H và ông T vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu chia di sản do cụ K1 để lại gồm số tiền đền bù đợt 1 còn lại 69.500.000 đồng hiện do ông T1 giữ và phần đất còn lại của thửa 24 có diện tích 1.573,7m² thành 03 kỷ phần. Bà H yêu cầu được hưởng số tiền 23.160.000 đồng và một phần của thửa đất 24 diện tích 524,56m² bằng hiện vật, trong đó bà H xin nhận phần đất ký hiệu S2 có diện tích 152,5m² và nhận phần diện tích chênh lệch còn lại bằng tiền. Ông T yêu cầu được hưởng số tiền 23.160.000 đồng và một phần của thửa đất 24 diện tích 524,56m² bằng hiện vật, trong đó ông T xin nhận phần đất ký hiệu S3 có diện tích 152,5m² và nhận phần diện tích chênh lệch còn lại bằng tiền. Đối với số tiền đền bù (đợt 2) chưa nhận là 190.127.000 đồng thì bà H ông T yêu cầu chia là 04 kỷ phần, mỗi người nhận 01 kỷ phần là 47.531.750 đồng.

Bị đơn ông T1 thống nhất với lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn luật sư Trần Thanh H1, yêu cầu công nhận cho ông được toàn quyền quản lý sử dụng phần còn lại của thửa đất 24 có diện tích theo đo đạc là 1.573,7m²; yêu cầu cho ông được sở hữu số tiền đền bù đợt 1 còn lại 69.500.000 đồng để ông cúng giỗ, hương hỏa cho cha mẹ; yêu cầu chia số tiền đền bù đợt 2 chưa nhận là 190.127.000 đồng thành 4 kỷ phần cho bà H, ông T, ông T1, ông T2 mỗi người hưởng 01 kỷ phần trị giá 47.531.750 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T2 vẫn giữ nguyên ý kiến từ chối nhận di sản thừa kế của cụ K1 đối với số tiền đền bù đợt 1 còn lại là 69.500.000 đồng và thửa đất 24. Ông yêu cầu chia số tiền đền bù đợt 2 chưa nhận là 190.127.000 đồng thành 4 kỷ phần cho bà H, ông T, ông T1, ông T2 mỗi người hưởng 01 kỷ phần trị giá 47.531.750 đồng, ông xin nhường số tiền 47.531.750 đồng của ông cho ông T1 được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T4 và bà P vẫn giữ nguyên lời trình bày.

Các đương sự thống nhất theo nội dung Biên bản định giá ngày 29/3/2024 của Hội đồng định giá huyện C và Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 29/3/2024 của Công ty TNHH Đ2 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C phê duyệt ngày 10/6/2025, không có yêu cầu đo đạc, định giá lại.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 274/2025/DS-ST, ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực C – Đồng Tháp đã tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T về việc chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Kiều .

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn T2 về việc chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Kiều . Ghi nhận sự tự nguyện của ông T2 tặng cho ông Nguyễn Văn T1 giá trị 01 kỷ phần thừa kế với số tiền 47.531.750 đồng.

- Xác định di sản của cụ Nguyễn Thị K1 là quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.573,7m² đất trồng cây hàng năm khác, là một phần của thửa số 24, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649QSĐĐ/830/QĐ.UB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Nguyễn Thị K1 ngày 15/6/1997; số tiền bồi thường đợt 1 của Dự án đầu tư xây dựng Công trình nâng cấp tuyến kênh C (giai đoạn 2) còn lại là 69.500.000 đồng và số tiền bồi thường sạt lở (đợt 19) là 190.127.000 đồng.

- Chia di sản của cụ Nguyễn Thị Kiều N2 sau:

+ Giao cho ông Nguyễn Văn T1 được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 1.573,7m² đất trồng cây hàng năm khác, là một phần của thửa số 24, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649QSĐĐ/830/QĐ.UB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Nguyễn Thị K1 ngày 15/6/1997.

Phần đất có ký hiệu S1, S2 và S3 theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 29/3/2024 của công ty TNHH Đ2 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C phê duyệt ngày 10/6/2025 có tứ cận như sau (có sơ đồ kèm theo):

Phía Đông giáp thửa số 42 và thửa số 26;

Phía Tây giáp đường Đ;

Phía Nam giáp đường đất;

Phía Bắc giáp thửa số 645 và phần còn lại của thửa số 24.

Ông T1 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

+ Ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T với số tiền là 410.800.000 đồng cho mỗi người.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T2 về việc chia thừa kế di sản của cụ K1 là số tiền bồi thường sạt lở của Tiểu dự án giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp tuyến kênh C là 190.127.000 đồng thành 04 kỷ phần. Bà H, ông T mỗi người được hưởng 01 kỷ phần trị giá 47.531.750 đồng, ông T1 được hưởng 02 kỷ phần trị giá 95.063.500 đồng. Các đương sự liên hệ với Ban Q quản lý để làm thủ tục nhận số tiền trên.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T4.

Công nhận cho ông Nguyễn Văn T4 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 359,9m² là một phần của thửa 24, tờ bản đồ số 04 tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649QSDĐ/830/QĐ.UB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Nguyễn Thị K1 ngày 15/6/1997.

Phần đất có ký hiệu S4 theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 29/3/2024 của công ty TNHH Đ2 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C phê duyệt ngày 10/6/2025 có tứ cận như sau (có sơ đồ kèm theo):

- Phía Đông giáp thửa số 645;
- Phía Tây giáp đường Đ kênh C;
- Phía Nam giáp phần còn lại của thửa số 24;
- Phía Bắc giáp thửa số 646;

Ông T4 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T1 về việc yêu cầu được công nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.573,3m² đất trồng cây hàng năm khác, là một phần của thửa số 24, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649QSDĐ/830/QĐ.UB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Nguyễn Thị K1 ngày 12/6/1997.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T1 về việc yêu cầu được sở hữu số tiền 69.500.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Ngày 07 tháng 10 năm 2025, bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 274/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực – Đồng Tháp. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T yêu cầu nhận ký phần thừa kế của thửa đất số 24 bằng hiện vật.

- Ông Nguyễn Văn T1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Văn T và chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo;

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T1 là Luật sư Trần Thanh H1 trình bày: Đất do cụ K1 đứng tên nhưng ông T1 sống chung với cụ

K1 và trồng cây trên đất xem như cụ K1 đã cho phân đất cho ông T1 nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 không có yêu cầu gì khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bà H, ông T và ông T1; Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1 đúng về hình thức, nội dung được nộp trong hạn luật định nên kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1 được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về xét xử vắng mặt: Đối với của các đương sự vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu độc lập, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguồn gốc đất tranh chấp: Các đương sự thống nhất thừa đất số 24, tờ bản đồ số 04 tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp) có nguồn gốc là của ông bà ngoại để lại cho cụ Nguyễn Thị Kiều. Cụ K1 đã đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649QSDĐ/830/QĐ.UBH do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Nguyễn Thị K1 ngày 15/6/1997 nên đây là tài sản của cụ K1.

Thửa đất 24 có diện tích 2.665m², đã bị thu hồi 475m² để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Công trình nâng cấp tuyến kênh C (giai đoạn 2), diện tích còn lại là 2.190m², các đương sự thống nhất theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 29/3/2024 của công ty TNHH Đ2 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C phê duyệt ngày 10/6/2025 thì diện tích đo đạc thực tế của thửa đất 24 là 1.933,6m², loại đất trồng cây hàng năm khác.

[2.2] Bị đơn ông T1 không đồng ý chia thừa kế phần đất còn lại có diện tích 1.573,7m² của thửa đất 24 và số tiền 69.500.000 đồng và yêu cầu công nhận cho ông được quyền sử dụng thửa đất 24 do ông cho rằng cụ K1 đã cho ông thừa đất 24 và yêu cầu được sở hữu số tiền 69.500.000 đồng để cúng giỗ ông bà. Đối

với thửa đất 24 ông T1 không có chứng cứ chứng minh việc cụ Kiều T7 cho đất cho ông và hiện nay thửa đất vẫn do cụ K1 đứng tên. Ngoài ra, trong năm 2014 cụ K1 đã có 03 lần làm thủ tục tặng cho đất cho ông T1 và ông T, chứng tỏ cụ K1 và ông T1 có hiểu biết về thủ tục tặng cho đất. Đối với số tiền 69.500.000 đồng là tiền bồi thường cho việc thu hồi một phần thửa đất 24, do thửa 24 là tài sản của cụ K1 nên số tiền 69.500.000 đồng là di sản của cụ K1 nên không có căn cứ cho ông T1 sở hữu toàn bộ số tiền này. Do yêu cầu phản tố của ông T1 không phù hợp với quy định pháp luật và không được phía nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Ông T2, bà H, ông T, ông T1 và ông T4 thống nhất trình bày lúc sinh thời cụ K1 có cho em gái là cụ Nguyễn Thị C1 một phần đất diện tích khoảng 500m² là một phần của thửa đất 24. Cụ C1 đã quản lý sử dụng từ lâu, sau khi cụ C1 mất đã giao lại cho ông Nguyễn Văn T4 (con trai cụ C1) tiếp tục quản lý sử dụng phần đất này, ông T4 đã cất nhà ở ổn định. Sau khi thực hiện dự án mở rộng kênh C thì phần đất ông T4 đang quản lý sử dụng có diện tích đo đạc theo thực tế là 359,9m² (ký hiệu S4) theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 29/3/2024 của công ty TNHH Đ2 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C phê duyệt ngày 10/6/2025. Ông T4 yêu cầu được công nhận cho ông được quyền quản lý sử dụng phần đất diện tích 359,9m²; Những người thừa kế của cụ K1 gồm ông T2, bà H, ông T, ông T1 và những người thừa kế của cụ C1 gồm bà Hồ Thị M, anh Nguyễn Thanh T5, chị Nguyễn Thị Mỹ C, ông Nguyễn Văn S1 và ông Nguyễn Văn R đồng ý để ông T4 quản lý sử dụng phần đất này, không có tranh chấp. Nên Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự tự nguyện của các đương sự và giao phần đất diện tích 359,9m² (ký hiệu S4) là một phần của thửa 24 cho ông T4 quản lý sử dụng là có căn cứ.

Khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Công trình nâng cấp tuyến kênh C (giai đoạn 2) thì số tiền bồi thường (đợt 1) cho thửa đất số 24 của cụ K1 là 710.000.000 đồng do ông T1 là người nhận, số tiền bồi thường sạt lở của Tiểu dự án giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp tuyến kênh C là 190.127.000 đồng hiện đang được Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện C (nay là Ban Q) quản lý. Sau khi nhận số tiền 710.000.000 đồng, ông T1 đã giao lại cho ông T4 số tiền 197.000.000 đồng (là tiền bồi thường phần đất mà cụ C1 sử dụng) nên chỉ còn lại 513.000.000 đồng. Các đương sự không tranh chấp mà thống nhất giao số tiền 197.000.000 đồng cho ông T4, ông T4 cũng đã nhận số tiền trên. Các đương sự thống nhất đồng ý trừ các khoản sau vào chi phí hợp lý trước khi chia di sản gồm: số tiền 20.000.000 đồng mà ông T1 đưa cho ông Nguyễn Hữu H4, số tiền tổ chức đám ma và áo quan mà ông T1 đã trả là 80.000.000 đồng, số tiền làm mã dán gạch, xây nhà mồ, công thợ, mua tử thờ, bộ tranh là 250.000.000 đồng, tiền bốc mộ cậu H4 và cậu út là 50.000.000 đồng, tiền cúng thất cho bà K1 9 lần x 1.500.000 đồng = 13.500.000 đồng, tiền cúng chùa 02 lần x 5.000.000 đồng = 10.000.000 đồng, tiền chữa bệnh cho cụ K1 20.000.000 đồng, tổng cộng là 443.500.000 đồng, được trừ vào số tiền đền bù đợt 1 là 513.000.000 đồng nên số tiền còn lại 69.500.000 đồng hiện do ông T1 giữ.

Như vậy, di sản do cụ K1 để lại gồm: phần còn lại của thửa 24 có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.573,7m², tiền bồi thường đợt 1 còn lại 69.500.000 đồng (do ông T1 giữ) và tiền bồi thường đợt 2 là 190.127.000 đồng hiện do Ban Q quản lý.

Theo Biên bản định giá ngày 29/3/2024 của Hội đồng định giá huyện C thì giá đất thực tế tại địa phương là 1.000.000 đồng/m², phần còn lại của thửa đất 24 diện tích 1.573,7m² có giá trị tương đương 1.573.700.000 đồng.

[2.4] Về hàng thừa kế cụ K1: Các đương sự thống nhất trình bày cha mẹ cụ K1 đã chết trước cụ K1. Chồng của cụ K1 là cụ Nguyễn Văn H3 chết ngày 09/6/2000. Cụ K1 có 05 người con gồm: Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1. Ông Nguyễn Văn L đã chết năm 2010 và chết trước cụ K1 nên con trai ông L là anh Nguyễn Tấn T3 là người thừa kế thế vị của ông L. Do anh T3 đã từ chối nhận di sản mà ông L được hưởng từ cụ K1 nên hàng thừa kế của cụ K1 còn lại ông T2, bà H, ông T và ông T1.

Trong đó ông T1 là người sống với cụ K1 từ nhỏ, có thời gian canh tác trên thửa đất 24 khoảng 40 năm, là người phụng dưỡng và lo ma chay, cúng giỗ cho cụ K1 và có công sức giữ gìn, tôn tạo đất nên cần tính công sức giữ gìn, tôn tạo di sản cho ông T1 bằng 01 kỷ phần thừa kế. Như vậy di sản của cụ K1 được chia như sau:

- Bà H và ông T yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 29/3/2024 của công ty TNHH Đ2 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C phê duyệt ngày 10/6/2025 thì phần đất bà H yêu cầu nhận có ký hiệu S2 diện tích 152,5m², phần đất ông T yêu cầu nhận có ký hiệu S3 diện tích 152,5m² đều không đủ diện tích tách thửa tối thiểu theo quy định tại Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh T (cũ). Bà H đã có nhà nơi khác, ông T đã được cụ K1 cho đất vào năm 2014 nên Hội đồng xét xử quyết định chia thừa kế cho bà H và ông T mỗi người được hưởng 01 kỷ phần bằng giá trị là 393.425.000 đồng. Diện tích còn lại của thửa đất 24, diện tích 1.573,7m² có giá trị theo định giá là 1.573.700.000 đồng. Do ông T2 đã từ chối nhận di sản nên thửa đất 24 cần được chia thành 04 kỷ phần gồm 03 kỷ phần cho bà H, ông T, ông T1 và 01 kỷ phần cho công sức đóng góp của ông T1, mỗi kỷ phần tương đương 1.573.700.000 đồng/4 = 393.425.000 đồng. Ông T1 được hưởng 02 kỷ phần trị giá 786.850.000 đồng. Do ông T1 đã xây dựng nhà trên đất và canh tác đất nên cần giao thửa đất 24 cho ông T1 quản lý sử dụng, ông T1 có nghĩa vụ hoàn giá trị kỷ phần thừa kế cho bà H và ông T.

- Đối với số tiền bồi thường đợt 1 còn lại 69.500.000 đồng mà ông T1 đang giữ. Do ông T2 đã từ chối nhận di sản nên số tiền 69.500.000 đồng được chia thành 04 kỷ phần gồm 03 kỷ phần cho bà H, ông T, ông T1 và 01 kỷ phần cho công sức đóng góp của ông T1, mỗi kỷ phần trị giá 17.375.000 đồng. Do ông T1 đang giữ số tiền này nên ông T1 có nghĩa vụ trả cho bà H, ông T giá trị 01 kỷ phần là 17.375.000 đồng cho mỗi người.

Như vậy, ông T1 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị 01 kỷ phần thừa kế của thửa đất 24 và số tiền bồi thường đợt 1 cho bà H, ông T là 410.800.000 đồng cho mỗi người.

- Đối với số tiền bồi thường đợt 2 là 190.127.000 đồng hiện do Ban Q quản lý. Ông T2, ông T1, bà H, ông T đều thống nhất chia thành 04 kỷ phần, mỗi người được hưởng 01 kỷ phần trị giá 47.531.750 đồng, ông T2 tự nguyện nhường số tiền 47.531.750 đồng cho ông T1 được hưởng. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy: Bản án sơ thẩm giải quyết vụ án như đã nêu trên là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H, ông T và ông T1 không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1 là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H, ông T và ông T1 là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi, nên được miễn án phí phúc thẩm;

Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí theo quy định.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148; khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 274/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực C – Đồng Tháp.

Căn cứ các điều 357, 468, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 620, 623, 649, 650, 651, 652, 658 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T về việc chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Kiều .

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn T2 về việc chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị Kiều . Ghi nhận sự tự nguyện của ông T2 tặng cho ông Nguyễn Văn T1 giá trị 01 kỷ phần thừa kế với số tiền 47.531.750 đồng.

- Xác định di sản của cụ Nguyễn Thị K1 là quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.573,7m² đất trồng cây hàng năm khác, là một phần của thửa số 24, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649/QSDD/830/QĐ.UB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Nguyễn Thị K1 ngày 15/6/1997; số tiền bồi thường đợt 1 của Dự án đầu tư xây dựng Công trình nâng cấp tuyến kênh C (giai đoạn 2) còn lại là 69.500.000 đồng và số tiền bồi thường sạt lở (đợt 19) là 190.127.000 đồng.

- Chia di sản của cụ Nguyễn Thị Kiều N2 sau:

+ Giao cho ông Nguyễn Văn T1 được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 1.573,7m² đất trồng cây hàng năm khác, là một phần của thửa số 24, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649/QSDD/830/QĐ.UB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Nguyễn Thị K1 ngày 15/6/1997.

Phần đất có ký hiệu S1, S2 và S3 theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 29/3/2024 của công ty TNHH Đ2 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C phê duyệt ngày 10/6/2025 có tứ cận như sau (có sơ đồ kèm theo):

Phía Đông giáp thửa số 42 và thửa số 26;

Phía Tây giáp đường Đ;

Phía Nam giáp đường đất;

Phía Bắc giáp thửa số 645 và phần còn lại của thửa số 24.

Ông T1 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

+ Ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T với số tiền là 410.800.000 đồng cho mỗi người.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn T2 về việc chia thừa kế di sản của cụ K1 là số tiền bồi thường sạt lở của Tiểu dự án giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp tuyến kênh C là 190.127.000 đồng thành 04 kỷ phần. Bà H, ông T mỗi người được hưởng 01 kỷ phần trị giá 47.531.750 đồng,

ông T1 được hưởng 02 kỳ phân trị giá 95.063.500 đồng. Các đương sự liên hệ với Ban Q quản lý để làm thủ tục nhận số tiền trên.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T4.

Công nhận cho ông Nguyễn Văn T4 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 359,9m² là một phần của thửa 24, tờ bản đồ số 04 tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649QSDĐ/830/QĐ.UB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Nguyễn Thị K1 ngày 15/6/1997.

Phần đất có ký hiệu S4 theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất ngày 29/3/2024 của công ty TNHH Đ2 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C phê duyệt ngày 10/6/2025 có tứ cận như sau (có sơ đồ kèm theo):

- Phía Đông giáp thửa số 645;
- Phía Tây giáp đường Đ kênh C;
- Phía Nam giáp phần còn lại của thửa số 24;
- Phía Bắc giáp thửa số 646;

Ông T4 được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T1 về việc yêu cầu được công nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.573,3m² đất trồng cây hàng năm khác, là một phần của thửa số 24, tờ bản đồ số 04, tọa lạc ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã A, tỉnh Đồng Tháp) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 649QSDĐ/830/QĐ.UB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho cụ Nguyễn Thị K1 ngày 12/6/1997 và yêu cầu được sở hữu số tiền 69.500.000 đồng.

4. Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn T4 phải chịu chi phí tố tụng là 3.400.000 đồng và ông đã nộp xong.

Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ H chi phí tố tụng là 1.950.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ H chi phí tố tụng là 3.900.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên ông được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.254.000 đồng theo biên lai thu số 0025113 ngày 10/10/2022 và biên lai thu số 0008409 ngày 18/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực C – Đồng Tháp).

Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 39.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.226.000 đồng theo biên lai thu số 0002108 ngày 03/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên ông T1 còn phải nộp thêm 36.574.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T4 được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 525.000 đồng theo biên lai thu số 0025750 ngày 13/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực C – Đồng Tháp).

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn T8 là người cao tuổi, nên được miễn án phí phúc thẩm;

Buộc ông Nguyễn Văn T1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003829, ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực C - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Thọ